

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 12/2021/HSST
Ngày: 09/3/2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn L.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Đức Minh.**
2. Ông **Lưu Đức Vinh.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** - cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng: Ông **K' K Ràng** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử lưu động, công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ L số 82/2021/TLST-HS ngày 31/12/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HS ngày 24/02/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đinh Văn T.**, sinh năm 1990 tại Sóc Trăng; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; NKT: Ấp Sơn Ton, xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng; Con ông Đinh Văn Nga, sinh năm: 1955 (đã chết) và bà Trần Thị Diễm, sinh năm: 1957; Vợ, con: Chưa có Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

- Năm 2008, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Năm 2012, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Ngày 27/01/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 24/11/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 03 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành hình phạt tù xong vào ngày 09/11/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/9/2020 đến ngày 10/9/2020 thì chuyển tạm giam. Đến ngày 19/11/2020 Đ cho Bảo lãnh; Bị bắt tạm giam lại ngày 03/3/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

2. Họ và tên: **Lê Khắc L**, sinh năm 1995 tại Nghệ An; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; NKTT: Xóm 6, xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Con ông Lê Khắc Lịch, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Hòa, sinh năm 1970; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/9/2020 đến ngày 10/9/2020 thì chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Họ và tên: **Dương Quốc T**, sinh năm 2001 tại Đồng Nai; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; NKTT: Ấp Tam Bum, xã P Túc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; Con ông Dương Văn Ninh, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Hồng Hoa, sinh năm 1978; Vợ, con: Chưa có Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/9/2020 đến ngày 10/9/2020 thì chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại nhà tạm aiữ Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

4. Họ tên: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1979 tại Bình Định; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; NKTT: Xã Ân Hảo Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; Con ông Nguyễn Văn Thật, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hiệp, sinh năm 1960; Vợ: Trương Thị Thu Sương, sinh năm 1987; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án: Ngày 07/6/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” theo bản án số 133/HSST ngày 04/10/2018; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/9/2020 đến ngày 10/9/2020 thì chuyên tạm giam, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lâm.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*** Người bị hại:**

1. Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn 6, xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 15, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Bà Nguyễn Hồng Y, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 1, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

4. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 3, xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

(Người bị hại đều có mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Huỳnh Công P, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 225/33/15 Lê Văn Quới, Bình Trị Đông, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Thành B, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 15/5 Ấp 3, Xuân Thế Thượng, Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Ông Lữ Văn S, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 8, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

(Người liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

“Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:”

Khoảng tháng 8/2020, bị cáo Nguyễn Văn Đ hứa hẹn sẽ mua lại xe ba gác lấy trộm Đ của bị cáo Đinh Văn T nên T cùng với bị cáo Dương Quốc T và Lê Khắc L rủ nhau đến tỉnh Lâm Đồng để lấy trộm xe ba gác bán lấy tiền tiêu xài. Đến ngày 02/09/2020, bị cáo T, T và L từ tỉnh Đồng Nai đến thành phố Bảo Lộc thuê phòng tại nhà nghỉ Minh Nhung để ở và thuê nhà ông Lữ Văn S tại thôn 8, xã Lộc Ngãi huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng để làm nơi cất giấu. Sau đó, từ khoảng 23 giờ ngày 03/9/2020 đến khoảng 7h30 ngày 04/09/2020 bị cáo T, T, L đã thực hiện 04 lần hành vi lấy trộm xe ba gác, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Khoảng 23 giờ T dùng xe máy chở T, L đi trên đoạn đường Quốc lộ 55 hướng xã Lộc Thành đi xã Lộc Nam để tìm xe ba gác lấy trộm. Khi đi đến Thôn 3, xã Lộc Nam phát hiện nhà ông Phạm Văn D có xe ba gác biển kiểm soát 60Y2-5274 nên ba bị cáo cất khóa đưa cho bị cáo T điều khiển chạy về Thôn 8, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm cất giấu.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 95/KLĐG ngày 08/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bảo Lâm kết luận: Xe ba gác biển kiểm soát 60Y2-5274 của ông D có giá trị là 14.000.000đ

Lần thứ 2: Khi bị cáo T đã điều khiển xe ba gác biển kiểm soát 60Y2-5274 về thôn 8, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm thì bị cáo T, L tiếp tục đến nhà anh Phạm Ngọc L lấy trộm xe ba gác biển kiểm soát 61L8-2753 rồi đưa cho L điều khiển xe chạy về thôn 8, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm cất giấu và T cùng chạy xe máy theo L.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 95/KLĐG ngày 08/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bảo Lâm kết luận: Xe ba gác biển kiểm soát 61L8-2753 của ông L có giá trị là 15.000.000đ.

Lần thứ 3: Sau khi đưa 02 xe ba gác về đến thôn 8, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm xong thì bị cáo T chở L, T tiếp tục đi đến nhà anh Nguyễn Văn D tại thôn 15, xã Lộc Thành lấy trộm xe ba gác biển số 61L7-3426 rồi đưa cho T điều khiển chạy về thôn 8, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 95/KLĐG ngày 08/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bảo Lâm kết luận: Xe ba gác biển kiểm soát 61L7-3426 của anh D có giá trị là 16.000.000đ.

Lần thứ 4: Khi bị cáo T đã chạy xe ba gác đã lấy trộm về thôn 8, xã Lộc Ngãi cất giấu thì bị cáo T và L tiếp tục lấy trộm xe ba gác biển kiểm soát 61L6-3132 của

bà Nguyễn Hồng Y tại thôn 1, xã Lộc An huyện Bảo Lâm và đưa cho L chạy về thôn 8, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm cất giấu.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 95/KLĐG ngày 08/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bảo Lâm kết luận: Xe ba gác biển số 61L6-3132 của bà Y có giá trị là 13.000.000đ.

Sau khi lấy trộm Đ 04 xe ba gác thì bị cáo T gọi điện thoại cho bị cáo Đ chuẩn bị xe tải để chở xe ba gác về. Sáng ngày 04/9/2020 bị cáo Đ thuê xe tải biển kiểm soát 51D-620.68 của ông Nguyễn Thành B ở 15/5, Ấp 3, Xuân Thái Thượng, huyện Hoắc Môn, thành phố Hồ Chí Minh và xe tải biển kiểm soát 95C-017.12 của anh Huỳnh Công P tại Phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh cùng đến thôn 8, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm để chở các xe ba gác về Đồng Nai thì bị Cơ quan Công an huyện Bảo Lâm phát hiện bắt giữ.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên truy tố như cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đinh Văn T, Lê Khắc L, Dương Quốc T, Nguyễn Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo T từ 36 tháng 42 tháng, bị cáo L từ 30 tháng 36 tháng, bị cáo T từ 30 tháng 36 tháng; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Đ 30 tháng 36 tháng; áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị trả xe cho người bị hại và xử L vật chứng khác theo quy định; buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, diễn biến như nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc, khiếu nại hay tranh luận gì.

- Bị hại yêu cầu Đ nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì; không thắc mắc, khiếu nại hay tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo T không nói lời sau cùng, bị cáo Đ, T, L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Bảo Lâm; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại

Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người bị hại, vật chứng thu giữ, thể hiện: Xuất phát từ lời hứa hẹn của bị cáo Đ sẽ mua lại những xe ba gác do bị cáo T trộm cắp Đ nên từ ngày 03/9/2020 đến ngày 04/9/2020, các bị cáo Đinh Văn T, Lê Khắc L, Dương Quốc T đã 04 lần lén lút trộm 04 xe ba gác của ông Phạm Văn D, Phạm Ngọc L, Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Hồng Y tại địa bàn các xã Lộc Thành, Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng với tổng giá trị tài sản trộm cắp Đ định giá là 58.000.000đ. Hành vi trộm cắp 04 xe ba gác này đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ là người đã hứa hẹn trước với bị cáo T sẽ mua lại tài sản do T trộm cắp. Do đó, hành vi của bị cáo Đ cũng đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản với vai trò đồng phạm giúp sức quy định tại Điều 17 Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm đã truy tố các bị cáo Đinh Văn T, Lê Khắc L, Dương Quốc T, Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo qui định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe và khả năng nhận thức về hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên chỉ vì muốn hưởng lợi không bằng sức lao động của bản thân, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt, thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của công dân Đ pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương. Vì vậy cần xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T, L, T phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Đ đã bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” vào ngày 07/6/2018 chưa Đ xóa án tích mà lại phạm tội nên bị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm, bị cáo T là người chủ mưu, tự bỏ tiền mua và chuẩn bị công cụ phá, mở dây nguồn xe ba gác như đèn pin, kéo kim loại, tuốt vít... đứng ra chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho bị cáo L mở, trộm xe, bị cáo T canh giới và chạy xe trộm cắp Đ về nơi tập kết. Bị cáo Đ là người hứa hẹn trước sẽ mua xe ba gác do T trộm cắp, đồng thời trực tiếp thuê xe đến địa điểm tập kết xe trộm cắp để đưa đi tiêu thụ là đã tạo ra những điều kiện về mặt tinh thần giữ vai trò là người giúp sức tích cực. Vì vậy khi lượng hình cần cân nhắc mức án cho bị cáo T, bị cáo Đ cao hơn bị cáo L, T là phù hợp với quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên Đ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện tính chất nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 04 xe ba gác là tài sản thuộc quyền sở hữu của các bị hại nên trả lại cho bị hại.

- 03 đèn pin; 01 kéo kim loại, có cán bằng nhựa màu đen; 02 tuốc nơ vít kim loại, cán bằng nhựa trong suốt; 01 kéo kim loại màu đen-cam là công cụ phương tiện phạm tội, có giá trị không đáng kể nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 Điện thoại di động Vivo màu đen của bị cáo T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5 màu đen của bị cáo L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S màu đen của bị cáo T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu cam của bị cáo Đ. Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau trong quá trình phạm tội nên tịch thu sung Quỹ nhà nước.

- 01 CMND của bị cáo T; 01 bóp da màu đen, 01 dây kim loại màu trắng, 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Rolex, 01 CMND của bị cáo L; 01 bóp màu nâu của bị cáo Đ. Những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

- Số tiền 430.000đ của bị cáo T; số tiền 280.000đ của bị cáo L; 2.880.000đ của bị cáo T; số tiền 50.200.000đ của bị cáo Đ. Những tài sản này thuộc quyền sở hữu của các bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra đã thu hồi Đ tài sản bị mất, bị hại có yêu cầu nhận lại xe và không yêu cầu các bị can bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[8] Trong vụ án này có ông Nguyễn Thành B, Huỳnh Công P Đ bị cáo Đ thuê đến thôn 8, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng để chở các xe ba gác nhưng không biết các xe ba gác này là tài sản trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự là đúng pháp luật nên không đề cập đến.

[9] Ông Lữ Văn S là người cho các bị cáo T, L và T thuê nhà nhưng không biết việc các bị cáo thuê nhà để làm nơi cất giấu tài sản phạm tội nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự là đúng pháp luật nên không đề cập đến.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn T, Lê Khắc L, Dương Quốc T và Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 48 (Bốn mươi tám) tháng tù, Đ trừ thời gian tạm giam từ ngày 04/9/2020 đến ngày 19/11/2020 là 02 tháng 15 ngày; thời hạn tù tính từ ngày 03/3/2021.

- Xử phạt bị cáo Lê Khắc L 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2020.

- Xử phạt bị cáo Dương Quốc T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2020.

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52p; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2020.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 đèn pin (02 đèn pin màu đen và 01 đèn pin màu vàng); 01 kéo kim loại, có cán bằng nhựa màu đen; 02 tuốc nơ vít kim loại, cán bằng nhựa trong suốt; 01 kéo kim loại màu đen-cam.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 Điện thoại di động Vivo màu đen của bị cáo T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5 màu đen bị cáo L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S màu đen của bị cáo T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu cam bị cáo Đ.

- Trả cho ông Phạm Văn D 01 xe ba gác biển số 60Y2-5274; trả cho anh Phạm Ngọc L xe ba gác biển số 61L8-2753; trả cho anh Nguyễn Văn D xe ba gác biển số 61L7-3426; trả cho bà Nguyễn Hồng Y xe ba gác biển số 61L6-3132.

- Hoàn trả cho bị cáo T 01 CMND mang tên Đinh Văn T; trả cho bị cáo L 01 bóp da màu đen, 01 dây kim loại màu trắng, 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Rolex, 01 CMND mang tên Lê Khắc L; trả cho bị cáo Đ 01 bóp màu nâu.

- Hoàn trả cho bị cáo T 430.000đ; trả cho bị cáo L 280.000đ; trả cho bị cáo T 2.880.000đ; trả cho bị cáo Đ 50.200.000đ. Nhưng tạm giữ toàn bộ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa Đ quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án 09/3/2021; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa Đ quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ hoặc kể từ ngày bản án Đ niêm yết theo quy định của pháp luật để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử Pc thẩm. Người liên quan chỉ Đ quyền kháng cáo phần có liên quan.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS H Bảo Lâm;
- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn L

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đức Minh

Lưu Đức Vinh

Nguyễn Văn L

Câu hỏi:

1. Bị cáo T:

1. Bị cáo có quan hệ gì với bị cáo Đ.

2. Giữa bị cáo và Đ, ai là người đề xuất trộm xe ba gác trước?
3. Làm sao bị cáo biết Đ sẽ mua sẽ ba gác mà hỏi?
4. Bị cáo và Đ thỏa thuận mua bán xe như thế nào? (giá cả, phương thức giao nhận xe, tiền?)
5. Trước khi trộm 04 xe ba gác này tại Lâm Đồng bị cáo có nói gì với Đ không, Đ hứa hẹn những gì?
6. Sau khi trộm Đ xe, bị cáo liên lạc với Đ ntn?
7. Bị cáo có quen biết 02 chủ xe tải k? Các chủ xe này quan hệ gì với Đ, với bị cáo?
8. Ai là người điều động (thuê) xe tải? bị cáo và họ liên lạc ntn?
9. Khi ông Nguyễn Thành B và ông Nguyễn Công P đến và đưa xe ba Gác lên xe tải thì bản thân ông B và ông P có biết 04 xe này là do các bị cáo trộm cắp mà có không? Hay các bị cáo có nói cho họ biết không?
10. Khi xe tải đến chỗ trọ thì lúc đó đã mấy giờ, ngày nào?
11. Ông Đ, ông P có hỏi hay tỏ thái độ nghi ngờ gì không?

(Quen tháng 8/2020, giữa tháng 8/2020 gọi điện hỏi Đ có mua xe ba gác không thì Đ nói có xe cứ giao cho Đ, ở đâu Đ cũng có xe đến lấy.

Sau đó, T gọi điện tôi lên làm ở Lâm Đồng nếu có xe ba gác thì anh có lấy không? Khi nào có xe thì gọi cho Đ, Đ thuê xe; Đêm 03/9/2020 T gọi cho Đ từ nay chúng tôi đi trộm xe thì Đ đồng ý. H ngày 04/9/2020 T gọi nói trộm Đ 04 xe, Đ sắp xếp xe và tiền mặt. 14h ngày 04/9/2020 Đ đi cùng 02 xe tải lên, chúng tôi cũng với Đ đến chỗ để ba gác xem xexe thì bị bắt. Đ hứa xe mới mua 15, cũ mua 12 triệu đồng (BL 263-264)

12. Bị cáo có quan hệ gì với bị cáo T? Bị cáo L?

13. Giữa bị cáo, bị cáo L và T, ai đề xuất đi trộm xe ba gác và đề xuất đến Lâm Đồng để trộm?

14. Ai là người đứng ra chỉ đạo, phân công bị cáo nào chuẩn bị dụng cụ phá, mở xe; ai dò tìm xe và ai cảnh giới; sau khi bán xe việc ăn chia ntn?

15. Bị cáo, T, L đã chuẩn bị những dụng cụ nào cụ thể? Trong 04 lần trộm cắp, từng lần bị cáo thực hiện công việc gì?

16. Khi bị bắt đã bị thu giữ những gì? Những cái đó (tiền...) dùng để làm gì?

17. Tại sao các bị cáo trộm xe ba gác mà không trộm tài sản khác?

18. Ngoài 04 lần phạm tội này, bị cáo có thực hiện hành vi trộm cắp hay hành vi vi phạm pháp luật nào khác không?

19. Hỏi về tiền án, tiền sự (Nhân thân: Mặc dù đã bị xét xử nhưng đã xóa án tích nên chỉ xem là nhân thân mà không xem là tiền án)

(Xem L lịch và trích lục BL 260-262)

20. Tại sao, bị cáo đã rất nhiều lần ra tù vào tội mà không tu dưỡng, rèn luyện?

21. Bố mẹ, a chị bị cáo có Đ tặng thưởng huân, huy chương hay bằng khen gì của Nhà nước không?

22. Thái độ ăn năn? (bồi thường...cho bị hại?....)

23. Thắc mắc, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Bảo Lâm; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm trong quá trình điều tra, truy tố không?

2. Bị cáo T:

1. Bị cáo quan hệ gì 02 bị cáo còn lại?
2. Ai đề xuất đi trộm xe ba gác? (khi rủ nói ntn, chuẩn bị những công cụ, pt gì? Ai đi tìm xe, ai cảnh giới, ai vào cắt, mở lấy xe, Thỏa thuận bán cho ai, ăn chia ntn?
3. Ai rủ bị cáo L?
4. Ai phân công công việc như ai chuẩn bị dụng cụ mở, cắt khóa xe, ai cảnh giới, ai chạy xe về sau khi lấy Đ? ai liên hệ chỗ mua xe (Đ)?

5. Bị cáo đã chuẩn bị những dụng cụ gì? Trong 04 lần trộm cắp, từng lần bị cáo thực hiện công việc gì?
6. Khi bị bắt đã bị thu giữ những gì? Những cái đồ (tiền...) dùng vào việc gì?
7. Khi ông B và ông P lái xe đến nhà ông Sắt để đưa xe ba gác lên thì họ có hỏi hay nghi ngờ gì về nguồn gốc xe không?
8. Ngoài 04 lần phạm tội này, bị cáo có thực hiện hành vi trộm cắp hay hành vi vi phạm pháp luật nào khác không?
9. Bố mẹ, a chị bị cáo có Đ tặng thưởng huân, huy chương hay bằng khen gì của Nhà nước không?
10. Thái độ ăn năn? (bồi thường...cho bị hai?....)
11. Thắc mắc, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Bảo Lâm; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm trong quá trình điều tra, truy tố không?

3. Bị cáo L:

1. Bị cáo có quan hệ gì với T, T?
2. Ai rủ bị cáo lên Lâm Đồng để trộm xe ba gác?
3. Khi T rủ lên nói ntn? Phân công cho bị cáo chuẩn bị dụng cụ gì, làm những việc gì? Ai chia những tài sản trộm Đ ntn? Các bị cáo còn lại là những công việc gì? Ai phân chia công việc này?
4. Trong 04 lần trộm xe, bị cáo đã thực hiện những công việc gì?
5. Khi ông B và ông P lái xe đến nhà ông Sắt để đưa xe ba gác lên thì họ có hỏi hay nghi ngờ gì về nguồn gốc xe không?
6. Ngoài 04 lần phạm tội này, bị cáo có thực hiện hành vi trộm cắp hay hành vi vi phạm pháp luật nào khác không?
7. Bố mẹ, a chị bị cáo có Đ tặng thưởng huân, huy chương hay bằng khen gì của Nhà nước không?
8. Thái độ ăn năn? (bồi thường...cho bị hai?....)
9. Thắc mắc, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Bảo Lâm; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm trong quá trình điều tra, truy tố không?

4. Bị cáo Đ:

1. Bị cáo quan hệ gì với bị cáo T (Quen biết nhau khi nào)? T, L?
2. Giữa bị cáo và bị cáo T, ai là người chủ động gọi điện đề xuất việc trộm xe bán cho bị cáo?
3. Khi gọi nói ntn? (giá cả, phương thức giao nhận xe...?)
4. Bị cáo hứa hẹn mua xe ntn? Nói rõ đi trộm xe ba gác không? Tại sao phải là xe ba gác mà không là tài sản khác?
5. Sau khi trộm Đ 04 xe ba gác, bị cáo T đã liên hệ bị cáo ntn?
6. Ai là người đứng ra thuê xe tải ông B và ông P? Bị cáo Thuê xe này để chở hàng trộm cắp bao nhiêu lần?
7. Khi thuê xe bị cáo có nói cho ông B, ông P biết là chở hàng trộm cắp không? Ông B và ông P có tỏ ra nghi ngờ hay hỏi nguồn gốc xe ba gác hay không?
8. Khi bị bắt bị cáo bị thu giữ những gì? Nêu cụ thể những thứ này dùng vào việc gì?
9. Hỏi tiền án, tiền sự?
10. Ngoài lần mua xe trộm cắp của bị cáo T, bị cáo có thực hiện hành vi này với đối tượng nào khác không? hay hành vi vi phạm pháp luật nào khác không?
11. Thái độ ăn năn?
12. Thắc mắc, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Bảo Lâm; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm trong quá trình điều tra, truy tố không?

Người bị hại:

1. Có quan hệ gì các bị cáo không?
2. Mất tài sản gì, đặc điểm tài sản bị mất? (Biển số,...)
3. Nguồn gốc tài sản này?
4. Có giấy phép lưu hành không? *Nghị quyết 32 của Chính phủ (ban hành ngày 29-6-2007) về các giải pháp cấp bách nhằm kéo giảm ùn tắc và tai nạn giao thông nêu rõ: Từ ngày 1-1-2008, đình chỉ lưu hành xe tự chế ba bánh, bốn bánh. Trường hợp cố tình vi phạm sẽ bị tịch thu xử L bán phế liệu, sung vào công quỹ*
5. Yêu cầu gì không? (nhận lại xe hay tịch thu sung quỹ)
6. Thắc mắc, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Bảo Lâm; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm trong quá trình điều tra, truy tố không?